

chính sách đối với y tế cơ sở, nếu từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 31 tháng 12 năm 2002 mà chưa đóng bảo hiểm xã hội, thì được truy nộp bảo hiểm xã hội cho thời gian chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

Mức đóng bảo hiểm xã hội bằng 15% tiền lương tháng theo hợp đồng lao động, trong đó ngân sách địa phương đóng với mức 10%, bản thân cán bộ y tế cấp xã đóng với mức 05% tiền lương tháng theo hợp đồng lao động vào quỹ bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội. Tiền lương làm cơ sở truy nộp bảo hiểm xã hội được tính theo mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm truy nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19/10/2004 về cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Các địa phương đáp ứng một trong các điều kiện sau được xem xét hỗ trợ có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

a) Tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với chi ngân sách địa phương lớn hơn 60%;

b) Tỷ trọng công nghiệp trong GDP của địa phương thấp hơn tỷ trọng công nghiệp trong GDP của cả nước ít nhất 10%.

Các điều kiện nêu trên được xác định trên cơ sở số liệu của năm trước thời điểm tổ chức thẩm tra dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (sau đây gọi chung là dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp) hoặc thời điểm các Bộ, ngành xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đã được cho phép đầu tư.

2. Mỗi địa phương đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này được ngân sách trung ương xem xét, hỗ trợ vốn đầu tư cho một dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.

3. Việc hỗ trợ vốn từ nguồn ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp tại địa phương đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này được xem xét hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương phải đáp ứng những yêu cầu sau:

1. Khu công nghiệp nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc đã cho phép bổ sung vào Quy hoạch trong từng thời kỳ.

2. Việc đầu tư xây dựng khu công nghiệp có vị trí quan trọng trong việc thu hút đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương, phát triển các ngành nghề có thế mạnh và lợi thế so sánh của địa phương, thực hiện mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào khu công nghiệp.

3. Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ đầu tư.

Điều 3. Mức hỗ trợ vốn ngân sách trung ương cho việc xây dựng hạ tầng khu công nghiệp tối đa không quá 60 tỷ đồng cho mỗi dự án và thực hiện chủ yếu cho các hạng mục, công trình sau đây:

1. Đền bù, giải phóng mặt bằng.
2. Công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Điều 4. Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định mức hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương đối với dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và kết quả thẩm tra dự án của các Bộ, ngành có liên quan.

Điều 5.

1. Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối vốn đầu tư của ngân sách trung ương, nhu cầu và tình hình triển khai của các dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan dự kiến phương án hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, trên cơ sở đó tổng hợp chung trong tổng dự toán ngân sách Nhà nước

hàng năm, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của việc hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương cho các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc quản lý, sử dụng vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về mục đích, kết quả và hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

Điều 7.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép hỗ trợ vốn ngân sách trung ương trước khi Quyết định này có hiệu lực, việc hỗ trợ vốn đầu tư được tiếp tục triển khai thực hiện theo Quyết định trước đó của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trường hợp dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư và chấp thuận chủ trương hỗ trợ vốn ngân sách trung ương trước khi Quyết định này có

hiệu lực, việc hỗ trợ vốn đầu tư được thực hiện theo Quyết định này.

4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 41/2004/QĐ-BBCVT ngày 05/10/2004 ban hành “Quy định về tem phù hợp tiêu chuẩn thiết bị viễn thông”.

*BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG*

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;